

Bản án số: 68/2023/HS-ST
Ngày 27 tháng 7 năm 2023

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH PHÚ THỌ

- **Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Anh Tuấn;
Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Xuân Đào; Ông Phạm Đức Thọ.
- **Thư ký phiên tòa:** Bà Nguyễn Thị Quỳnh Nga - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Phú Thọ.
- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Phú Thọ tham gia phiên tòa:** Bà Đào Thúy Chinh - Kiểm sát viên.

Ngày 27 tháng 7 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Phú Thọ, xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 56/TLST-HS ngày 23 tháng 6 năm 2023, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử sơ thẩm số: 278/QĐXXST-HS ngày 14/7/2023, đối với bị cáo:

Họ và tên: Phạm Hữu T - sinh ngày 25/9/1990; Giới tính: Nam; Tên gọi khác: không; Nơi sinh: huyện T, tỉnh Phú Thọ; Nơi đăng ký HKTT: Khu 3, xã Đ, huyện T, Phú Thọ; Nơi ở hiện nay: Khu 3, xã Đ, huyện T, Phú Thọ; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Trình độ học vấn: 12/12; Tôn giáo: Không; Nghề nghiệp trước khi phạm tội: Lao động tự do; Bố đẻ: Phạm Hữu S (đã chết); Mẹ đẻ: Nguyễn Thị N - sinh năm 1962, hiện ở khu 3, xã Đ, huyện T, tỉnh Phú Thọ; Anh chị em ruột: Gia đình có 4 anh, chị, em; bị cáo là con thứ tư; Vợ: Nguyễn Thị D - sinh năm 1992 (đã ly hôn); Đăng ký hộ khẩu thường trú: Khu 3, xã Đ, huyện T, tỉnh Phú Thọ; Con: chưa có;

Tiền án: Không

Tiền sự: 01 tiền sự. Quyết định xử phạt vi phạm hành chính số 11/QĐ-XPHC ngày 26/9/2021 của Công an xã Đ, xử phạt T 750.000 đồng về hành vi đánh nhau. T chưa nộp phạt.

Nhân thân: Quyết định số 163/QĐ-UB ngày 12/8/2021, Ủy ban nhân dân xã Đ áp dụng biện pháp giáo dục tại cấp xã đối với T trong thời hạn 03 tháng, kể từ ngày 12/8/2021 đến ngày 12/11/2021 về hành vi dương tính với ma túy đá. T chấp hành xong ngày 12/11/2021.

Bị cáo bị áp dụng biện pháp Cấm đi khỏi nơi cư trú, hiện đang tại ngoại tại xã Đ, huyện T, tỉnh Phú Thọ. Có mặt.

*** Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:**

Tòa án nhân dân huyện T, tỉnh Phú Thọ.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Lê Khánh Vinh - Chánh án

Người đại diện theo ủy quyền: Bà Phạm Thị Hồng - Phó chánh án. (Có đơn xin xét xử vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Phạm Hữu T và chị Nguyễn Thị D, đều có hộ khẩu tại khu 3, xã Đ, huyện T, tỉnh Phú Thọ đã đăng ký kết hôn. Do cuộc sống hôn nhân không hạnh phúc nên ngày 17/01/2023, chị D có đơn đề nghị Tòa án nhân dân huyện T giải quyết ly hôn. Tòa án nhân dân huyện T đã tiếp nhận đơn, tài liệu kèm theo và vào sổ thụ lý số 04/2023/TLST-HNGĐ, ngày 17/01/2023, đồng thời phân công thẩm phán Đặng Xuân Bộ giải quyết vụ án ly hôn giữa chị Nguyễn Thị D và Phạm Hữu T. Tòa án nhân dân huyện T đã ban hành Thông báo về việc thụ lý vụ án số 04/TN-TLVA ngày 17/01/2023 và tiến hành giải quyết vụ án ly hôn, sau đó gửi thông báo thụ lý vụ án cho bị đơn là Phạm Hữu T và triệu tập Phạm Hữu T đến Tòa án nhân dân huyện T để làm việc. Ngày 31/01/2023, Phạm Hữu T nhờ anh Lương Đình T, ở khu 4, xã Đ, huyện T chở đến trụ sở Tòa án. Khi đến nơi, anh Tú chờ ở cổng, T đến phòng tiếp dân, tại đây, có thẩm phán Đặng Xuân Bộ và thư ký Nguyễn Thị Như Quỳnh. T ngồi ghế cạnh bàn kê ở giữa phòng, còn thẩm phán Bộ và thư ký Quỳnh ngồi ở ghế đối diện. T yêu cầu thẩm phán cho xem toàn bộ hồ sơ vụ án ly hôn. Theo quy định của pháp luật, thẩm phán Đặng Xuân Bộ đưa cho Phạm Hữu T xem các tài liệu gồm: 01 biên lai thu tạm ứng án phí, 01 thông báo nộp tiền tạm ứng án phí, 01 đơn khởi kiện đề ngày 13/01/2023 của chị Nguyễn Thị D, 01 bản phô tô sổ hộ khẩu tên chủ hộ Phạm Hữu T, 01 bản phô tô chứng minh thư nhân dân mang tên chị Nguyễn Thị D, 01 thông báo số định danh cá nhân và thông tin công dân trong cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư, 01 giấy đăng ký kết hôn bản gốc của T và chị D. T đọc toàn bộ tài liệu, sau đó để giấy đăng ký kết hôn sang một bên và cầm toàn bộ các giấy tờ còn lại xé rách và vứt lên mặt bàn, rồi cầm giấy chứng nhận đăng ký kết hôn bỏ chạy. Thẩm phán Bộ đuổi theo T, bảo vệ Tòa án ngăn cản nhưng T trèo qua hành lang và bỏ đi chạy ra cổng và anh Tú chở T về. Khi về nhà, T xé bỏ giấy đăng ký kết hôn và vứt bỏ, Cơ quan điều tra không thu giữ được giấy này. Sau đó, Phạm Hữu T đã sử dụng tài khoản facebook nhắn tin cho chị D để nói về hành vi của mình tại Tòa án. T đã chửi bới, đe dọa giết chị D. Ngoài ra, chị D còn cung cấp nhiều nội dung tin nhắn thể hiện T đe dọa chị D làm chị D lo sợ. Tuy nhiên, Phạm Hữu T khai do bức xúc về việc chị D yêu cầu ly hôn nên mới dọa chị D. Bản thân T không thực hiện hành động gì ngoài việc nhắn tin. Chị D đã đi lao động tại Đài Loan từ năm 2017, khi về nước thì làm đơn yêu cầu giải quyết ly hôn với T, hiện đã xuất cảnh làm việc tại Đài Loan vào tháng 2/2023 (Trong thời gian về nước đã làm đơn ly hôn) đến nay chưa nhập cảnh, Cơ quan điều tra không làm việc được với chị D nên không có căn cứ để xác định chị D lo sợ việc đe dọa sẽ được thực hiện, nếu có căn cứ sẽ xử lý sau. Tại Cơ quan điều tra, Phạm Hữu T thành khẩn khai nhận hành vi phạm tội của mình như đã nêu trên, T khai vì yêu vợ và không muốn ly hôn nên T đã có hành vi xé bỏ tài liệu để chị D không ly hôn được với T.

* Về vật chứng, tài sản thu giữ: Cơ quan điều tra đã thu giữ: 01 biên lai thu tạm ứng án phí, 01 thông báo nộp tiền tạm ứng án phí, 01 đơn khởi kiện đề ngày 13/01/2023 của chị Nguyễn Thị D, 01 bản phô tô sổ hộ khẩu tên chủ hộ Phạm Hữu T, 01 bản phô tô chứng minh thư nhân dân mang Thị D, 01 thông

báo số định danh cá nhân và thông tin công dữ liệu quốc gia về dân cư, giấy tờ trong tình trạng bị xé rách.

* Điều kiện kinh tế: Bị cáo Phạm Hữu T không có tài sản gì có giá trị ngoài những đồ dùng sinh hoạt thiết yếu.

Tại Bản cáo trạng số: 67/CT-VKS-P2 ngày 23/6/2023 của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Phú Thọ đã truy tố bị cáo Phạm Hữu T về tội “Chiếm đoạt, tiêu hủy tài liệu của cơ quan, tổ chức”, theo quy định tại khoản 1 Điều 342 thi của Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa, Kiểm sát viên đề nghị Hội đồng xét xử:

- Về tội danh: Tuyên bố bị cáo Phạm Hữu T phạm tội “Chiếm đoạt, tiêu hủy tài liệu của cơ quan, tổ chức”,

- Về hình phạt: Xử phạt: Phạm Hữu T từ 03 (ba) tháng đến 06 (sáu) tháng tù. Thời hạn tù được tính từ ngày bị cáo đi chấp hành án.

Về hình phạt bổ sung: Miễn áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo.

- Về Xử lý vật chứng: Tịch thu các vật chứng để lưu hồ sơ vụ án.

- Quyền kháng cáo: Bị cáo, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Bị cáo nói lời sau cùng: Bị cáo xin Hội đồng xét xử xem xét, giảm nhẹ hình phạt, cho bị cáo được hưởng mức án thấp nhất.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Tính hợp pháp của các hành vi, quyết định tố tụng:

Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan cảnh sát điều tra Công an tỉnh Phú Thọ, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Phú Thọ, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa ngày hôm nay bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Những chứng cứ xác định có tội:

Tại phiên tòa hôm nay bị cáo đã khai nhận hành vi phạm tội của mình như nội dung Bản Cáo trạng đã nêu, thừa nhận nội dung bản Cáo trạng truy tố là đúng, không oan sai.

Lời khai nhận của Bị cáo phù hợp với thời gian, địa điểm nơi xảy ra vụ án và vật chứng thu giữ được, phù hợp với lời khai của người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan, người làm chứng, vật chứng đã được thu giữ, cùng các tài liệu khác có lưu trong hồ sơ vụ án.

Như vậy có đủ cơ sở kết luận: Khoảng 14 giờ ngày 31/01/2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện T, Phạm Hữu T đã yêu cầu thẩm phán cho xem tài liệu trong vụ án tranh chấp về hôn nhân và gia đình giữa nguyên đơn là chị Nguyễn Thị D và bị đơn là Phạm Hữu T. Căn cứ khoản 2 Điều 199 Bộ luật Tố tụng dân sự quy định về quyền và nghĩa vụ của bị đơn, thẩm phán đã đưa cho Phạm Hữu T đọc gồm: 01 biên lai thu tạm ứng án phí, 01 thông báo nộp tiền tạm ứng án

phí, 01 đơn khởi kiện đề ngày 13/01/2023 của chị Nguyễn Thị D, 01 bản phô tô sổ hộ khẩu tên chủ hộ Phạm Hữu T, 01 bản phô tô chứng minh thư nhân dân mang tên chị Nguyễn Thị D, 01 thông báo số định danh cá nhân và thông tin công dân trong cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư, 01 giấy đăng ký kết hôn bản gốc của T và chị D. Sau khi đọc xong, T cầm giấy đăng ký kết hôn, xé bỏ các giấy tờ còn lại, khi về đến nhà thì T xé bỏ giấy đăng ký kết hôn, giấy tờ này không thuộc tài liệu bí mật nhà nước, bí mật công tác mà là tài liệu để Tòa án nhân dân huyện T giải quyết vụ án ly hôn. Hành vi nêu trên của bị cáo Phạm Hữu T đã phạm vào tội “Chiếm đoạt, tiêu hủy tài liệu của cơ quan, tổ chức”, theo quy định tại khoản 1 Điều 342 thì của Bộ luật Hình sự như cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Phú Thọ truy tố là đúng quy định của pháp luật.

Điều 342. Tội chiếm đoạt, mua bán, tiêu hủy con dấu, tài liệu của cơ quan, tổ chức:

“1. Người nào chiếm đoạt, mua bán hoặc tiêu hủy trái phép con dấu, tài liệu của cơ quan, tổ chức không thuộc tài liệu bí mật nhà nước hoặc bí mật công tác, thì bị phạt tiền từ 5.000.000 đồng đến 50.000.000 đồng, phạt cải tạo không giam giữ đến 02 năm hoặc phạt tù từ 03 tháng đến 02 năm.”

[2] Hành vi của bị cáo thể hiện sự coi thường pháp luật, nguy hiểm cho xã hội, gây dư luận xấu trong quần chúng nhân dân, làm mất trật tự trị an xã hội. Do vậy, cần phải xử lý nghiêm để giáo dục bị cáo và phòng ngừa chung cho xã hội. Tuy nhiên khi lượng hình cũng cần xem xét các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự để có một mức án tương xứng với hành vi mà bị cáo đã gây ra.

Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Bị cáo không phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự nào nhưng bị cáo là người có nhân thân xấu đã từng 02 lần bị cơ quan nhà nước xử phạt hành chính bằng Quyết định hành chính.

Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Quá trình điều tra và tại phiên tòa hôm nay bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; Bị cáo phạm tội thuộc trường hợp ít nghiêm trọng nên bị cáo được hưởng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm i, s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự. Tuy nhiên khi thực hiện hành vi phạm tội nhân thân bị cáo đã có tiền sự mà tiếp tục phạm tội, thể hiện sự coi thường pháp luật của bị cáo. Do đó, cần phải áp dụng hình phạt tù đối với bị cáo.

Về hình phạt bổ sung: Do bị cáo không có công ăn việc làm ổn định, qua quá trình điều tra bị cáo không có tài sản gì có giá trị ngoài đồ dùng sinh hoạt thiết yếu nên miễn hình phạt bổ sung đối với bị cáo.

[3] Đối với các trường hợp khác: Đối với anh Lương Đình Tú, chỉ là người T nhờ chở dân huyện T, anh Tú không biết T có hành vi xé bỏ tài liệu của Tòa án nên không đề cập xử lý là phù hợp.

[4] Tại phiên tòa hôm nay, Hội đồng xét thấy quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Phú Thọ về việc giải quyết vụ án là phù hợp nên được chấp nhận.

[5] Về xử lý vật chứng: Tịch thu các vật chứng lưu hồ sơ vụ án: 01 biên lai thu tạm ứng án phí, 01 thông báo nộp tiền tạm ứng án phí, 01 đơn khởi kiện đề ngày 13/01/2023 của chị Nguyễn Thị D, 01 bản phô tô sổ hộ khẩu tên chủ hộ

Phạm Hữu T, 01 bản phô tô chứng minh thư nhân dân mang Thị Dung, 01 thông báo số định danh cá nhân và thông tin công dữ liệu quốc gia về dân cư, giấy tờ (tình trạng bị xé rách).

[6] Về án phí: Bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm

[7] Về quyền kháng cáo: Bị cáo, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan được quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ: Khoản 1 Điều 342; Điểm i, s khoản 1 Điều 51; Điều 38 của Bộ luật hình sự: **ĐI M A HHOI N 1 DI U 23 NGH P QUYOT S : 326/2016/UBTVQH 14 NGUY 30/12/2016 CŨA ỦY BAN TH-ENG UO QU C H I QUY** định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

[1] Về tội danh: Tuyên bố bị cáo Phạm Hữu T phạm tội “Chiếm đoạt, tiêu hủy tài liệu của cơ quan, tổ chức”,

[2] Về hình phạt: Xử phạt Phạm Hữu T 04 (bốn) tháng tù. Thời hạn tù được tính từ ngày bị cáo đi chấp hành án.

Về hình phạt bổ sung: Miễn hình phạt bổ sung đối với bị cáo.

[3] *Về Xử lý vật chứng*: Áp dụng Điều 47 Bộ luật Hình sự; Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự.

Tịch thu các vật chứng sau để lưu hồ sơ vụ án: 01 biên lai thu tạm ứng án phí, 01 thông báo nộp tiền tạm ứng án phí, 01 đơn khởi kiện đề ngày 13/01/2023 của chị Nguyễn Thị D, 01 bản phô tô sổ hộ khẩu tên chủ hộ Phạm Hữu T, 01 bản phô tô chứng minh thư nhân dân mang Thị Dung, 01 thông báo số định danh cá nhân và thông tin công dữ liệu quốc gia về dân cư, giấy tờ (tình trạng bị xé rách).

[4] *Về án phí*: Buộc bị cáo Phạm Hữu T phải chịu 200.000đ (Hai trăm nghìn đồng) tiền án phí hình sự sơ thẩm.

[5] Quyền kháng cáo: Bị cáo, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án để yêu cầu Toà án nhân dân cấp cao tại Hà Nội xét xử phúc thẩm./.

Nơi nhận:

- VKSND Cấp cao tại Hà Nội;
- VKSND tỉnh Phú Thọ;
- Sở Tư pháp tỉnh Phú Thọ;
- Công an tỉnh Phú Thọ;
- CQ THAHS, dân sự tỉnh Phú Thọ;
- UBND nơi b/c cư trú;
- Người bị hại.
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Anh Tuấn